|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**    Số:  /QĐ-BNN-TCLN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2015*  DỰ THẢO |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành qui chế quản lý và sử dụng hệ thống thông tin quản lý Lâm nghiệp**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 3/5/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước;

Xét công văn số của Tổng Cục lâm nghiệp v/v đề nghị duyệt Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống thông tin quản lý Lâm nghiệp ;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Lâm nghiệp

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống thông tin quản lý Lâm nghiệp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Lâm nghiệp. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như điều 3; - Lãnh đạo Bộ; - Thành viên Ban chỉ đạo CNTT;; - Lưu VT, TCLN. | **BỘ TRƯỞNG**  **Cao Đức Phát** |

**QUY CHẾ**

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ LÂM NGHIỆP   
*(Ban hành kèm theo Quyết định số …………………. của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Chương 1.**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng**

1. Quy chế này quy định về việc sử dụng hệ thống thông tin quản lý Lâm nghiệp của Tổng Cục Lâm nghiệp gồm:

- Cấu trúc hệ thống thông tin quản lý Lâm nghiệp

- Vận hành hệ thống

- Quản lý, khai thác mạng của hệ thống;

2. Quy chế này được áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân hoạt động trong Ngành NN&PTNT sử dụng hệ thống Thông tin quản lý Lâm nghiệp.

**Điều 2. Các thuật ngữ**

1.Hệ thống thông tin quản lý Lâm nghiệp (Forestry Management Information System - FORMIS) là toàn bộ thông tin và dữ liệu Lâm nghiệp được hệ thống hóa theo một cấu trúc hợp lý đảm bảo tính toàn diện,  hệ thống và hợp pháp; được quản trị bằng công nghệ thông tin có khả năng cập nhật, kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu đủ để phục vụ tốt nhất cho quản lý ngành lâm nghiệp ở các cấp.

2.Chủ sở hữu dữ liệu Tổng Cục Lâm nghiệp là đơn vị được quyền sở hữu chính thức đối với thông tin, dữ liệu.

3. Đơn vị thu thập dữ liệu là tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thu thập thông tin dữ liệu phục vụ quản lý

4. Quản trị kỹ thuật dữ liệu là đơn vị chịu trách nhiệm về môi trường CNTT và cấu trúc cơ sở dữ liệu .

5.Quản lý nội dung dữ liệu là đơn vị chịu trách nhiệm về nội dung, hình thức và các yếu tố kỹ thuật khác của dữ liệu.

6. Công nghệ thông tin của Hệ thống thông tin quản lý Lâm nghiệp: Được hiểu theo nghĩa bao gồm hệ thống các máy tính, thiết bị tin học, hệ thống đường truyền, mạng LAN, WAN của hệ thống và các ứng dụng, các cơ sở dữ liệu (CSDL) chạy trên hệ thống mạng này.

7. Mạng đơn vị: Là mạng cục bộ (LAN) tại đơn vị thuộc Tổng Cục Lâm nghiệp bao gồm các máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, đường truyền và các thiết bị ngoại vi được liên kết với nhau.

8. Mạng máy tính của Tông Cục Lâm nghiệp : Là hệ thống mạng diện rộng (WAN) kết nối các mạng đơn vị của Tổng Cục.

**Chương 2**

**CẤU TRÚC HỆ THỐNG**

Điều 3. Hệ thống thông tin điện tử quản lý lâm nghiệp

1. Là hệ thống mạng và hệ thống các ứng dụng phục vụ công tác quản lý ngành lâm nghiệp các cấp.

2. Các hệ thống thông tin bao gồm:

Website thông tin quản lý của Tổng Cục (thông tin chung và thông tin nội bộ) kết nối với FORMIS và các cổng thông tin của ngành;

3. Các phần mềm quản lý phục vụ công tác quản lý cho cán bộ quản lý các cấp Trung ương, tỉnh,huyện xã ;

**Điều 4. Cấu trúc nền hệ thống thông tin quản lý lâm nghiêm gồm 16 nhóm thông tin phục vụ quản lý**

1. Nhóm thông tin về văn bản chỉ đạo của lãnh đạo
2. Nhóm thông tin về chính sách lâm nghiệp
3. Nhóm thông tin tổ chức QL ngành lâm nghiệp
4. Nhóm thông tin Giám sát tài nguyên rừng bao gồm thông tin, dữ liệu về kết quả kiểm kê rừng của từng tình, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, điều tra rừng.
5. Nhóm thông tin bảo vệ rừng
6. Nhóm thông tin cơ sở dữ liệu về phát triển rừng
7. Nhóm thông tin cơ sở dữ liệu về bảo tồn rừng
8. Nhóm thông tin cơ sở dữ liệu sử dụng rừng
9. Nhóm thông tin về chế biến, thương mại
10. Nhóm thông tin về nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp
11. Nhóm thông tin về các tổ chức quản lý rừng
12. Nhóm thông tin về các dự án ODA
13. Nhóm thông tin về kinh tế tài chính lâm nghiệp
14. Nhóm thông tin về chi trả dịch vụ môi trường

**Điều 5. Nội dung chi tiết các nhóm thông tin qui định tại điều 4.** Theo danh mục chi tiết đính kèm qui chế này.

**Điều 6. Thông tin đầu vào của hệ thống**

Thông tin đầu vào của hệ thống được qui định từ 3 nguồn thông tinh chính sau:

Nguồn thông tin dữ liệu hiện có từ kết quả kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, hệ thống báo cáo nhanh, kết quả điều tra rừng

Nguồn thông tin dữ liệu mới từ các nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng, REED+ quản lý giống, các thông tin về quản lý sử dụng rừng, xây dựng rừng được cập nhật theo qui định

Nguồn thông tin từ bên ngoài bao gồm các nguồn thông tin từ các tổ chức quản lý, nghiên cứu khác có tính pháp lý.

**Điều 7. Kiểm soát thông tin đầu vào**

Thông tin, dữ liệu trước khi đưa vào hệ thống sẽ được kiểm soát đảm bảo tính pháp lý, chính xác, đầy đủ, cập nhật và được đồng bộ và tích hợp vào hệ thống bởi các đơn vị chức năng thuộc Tổng Cục Lâm nghiệp.

**Chương 3**

**VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ LÂM NGHIỆP**

**Điều 8.** Chức năng của hệ thống

1.Cung cấp các thông tin có liên quan đến hoạt động quản lý cho cán bộ cấp Trung ương, Tỉnh, Huyên và xã;

2.Cung cấp các thông tin cho nhóm đối tượng sử dụng khác nghiên cứu, học tập và sản xuất .

3. Cung cấp các thông tin nội bộ của ngành .

**Điều 9. Đơn vị quản lý hệ thống thông tin quản lý lâm nghiệp**

1. Phòng Thông tin dữ liệu thuộc Văn phòng Tổng Cục Lâm nghiệp là đơn vị được giao quản lý hệ thống , có trách nhiệm quản lý duy trì hoạt động của hệ thống, hàng quí báo cáo bằng văn bản với Tổng Cục về tình hình hoạt động của hệ thống và các vấn đề phát sinh.

2. Các đơn vị thuộc Tổng Cục Lâm Nghiệp, Tổ thông tin Lâm nghiệp thuộc Sở NN và PTNT có trách nhiệm khai thác, bảo vệ hệ thống và cử cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phụ trách công tác quản trị mạng của đơn vị.

**Điều 10. Chức năng của Phòng thông tin – Thuộc Văn phòng -Tổng cục Lâm nghiệp**

Phòng Thông tin là đơn vị thuộc Văn phòng Tổng Cục Lâm nghiệp có chức năng sau:

* Xây dựng kế hoạch và phát triển CNTT quản lý Lâm nghiệp hàng năm
* Thực hiện quản lý CNTT Tổng cục Lâm nghiệp
* Quản lý các dự án phát triển hệ thống thông tin quản lý trong Tổng cục Lâm nghiệp
* Đảm bảo hệ thống phát triển phù hợp với kết cấu FORMIS
* Thực hiện Chính phủ điện tử phục vụ chương trình tài cơ cấu ngành Lâm nghiệp
* Thực hiện các ứng dụng CNTT phục vụ quản lý nghiên cứu và phát triển liên quan
* Duy trì và điều hành hệ thống
* Quản lý máy chủ lưu trữ cơ sở dữ liệu , nền thông tin FORMIS, cổng thông tin điện tử Tổng cục Lâm nghiệp và các ứng dụng được phát triển bởi Dự án FORMIS
* Cung cấp thông tin quản lý, dự báo phục vụ công tác quản lý
* Quản lý thông tin dữ liệu thu thập

**Điều 11. Nhiệm vụ của các Cục, Vụ liên quan thuộc Tổng Cuc Lâm nghiệp**

Cung cấp thông tin tổng hợp chính xác, cập nhật về lĩnh vực hoạt động quản lý ngành của đơn vị.

Cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác về thông tin quản lý do đơn vị phụ trách cập nhật lên website của hệ thống.

Khi đơn vị có nhu cầu đưa thông tin lên website của hệ thống Bộ phận quản lý sẽ cập nhật thông tin lên website theo qui trình quy định.

Đảm bảo tính kết nối giữa các cổng thông tin nghiệp vụ của đơn vị trong hệ thống thông tin điện tử thống nhất của Tổng Cục tránh tình trạng Cơ sở dữ liệu chồng chéo, trùng lặp gây ra khó khăn trong việc quản lý tính chính xác và lãng phí tài nguyên.

**Điều 12. Quản trị CNTT Tổng cục Lâm nghiệp**

Quản trị CNTT Tổng Cục Lâm nghiệp gồm hai cấp: quản trị CNTT cấp Tổng Cục và quản trị CNTT cấp đơn vị thuộc tổng Cục ( Cục Kiểm Lâm, Vụ bảo tồn rừng…)

Quản trị CNTT cấp Tổng Cục do Văn phòng Tổng Cục đảm trách: là đơn vị thực hiện chức năng quản lý hệ thống CNTT quản lý ; thúc đẩy, cung cấp, theo dõi và giám sát việc sử dụng các hệ thống ứng dụng trong thông tin. Bộ phận CNTT còn có chức năng tư quản lý hệ thống thống tin đáp ứng nhu cầu thông tin quản lý

**Điều 13. Ban biên tập hệ thống thông tin quản lý**

Thành Lập Ban biên tập……………….gồm

………………….

Ban Biên tập có trách nhiệm quản lý toàn bộ thông tin của Website và thực hiện biên tập, duyệt tin, xác thực tin và cập nhật xuất bản tin lên Website, chịu trách nhiệm trước Lãnh Đạo Tổng Cục về nội dung thông tin.

**Chương 4**

**QUẢN LÝ, KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ LÂM NGHIỆP**

**Điều 14. Kết nối hệ thống thông tin quản lý**

1. Tất cả các đơn vị, cá nhân trong Bộ NN&PTNT, Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các tỉnh có nhu cầu thiết lập kết nối với hệ thống, tài khoản sử dụng dịch vụ hệ thống phải đăng ký bằng văn bản với Văn Phòng Tổng Cục Lâm nghiệp

2. Văn Phòng Tổng Cục LN có quyền từ chối cung cấp dịch chia sẻ thông tin cho các máy tính có kết nối mạng không tuân thủ theo quy chế này.

**Điều 15. Đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu**

Văn Phòng Tổng Cục Lâm nghiệp chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin truyền dẫn và dữ liệu lưu chuyển trên hệ thống , áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh, bảo mật những thông tin trên mạng , bảo quản sao lưu dữ liệu trên các máy chủ đặt tại Văn phòng Tổng Cục Lâm nghiệp.

**Điều 16. Tra cứu và sử dụng thông tin quản lý**

Qui định về thông tin mở, thông tin mở là nhóm thông tin về các chính sách, văn bản pháp luật, các thông tin về giám sát rừng, kết quả kiểm kê theo dõi diễn biến tài nguyên rừng đến câp xã, thông tin về phát triển, sử dụng rừng, chế biến thương mại, ... đã được công bố

Qui định thông tin nội bộ là văn bản điều hành nội bộ thuộc Bộ NN và PTNT và Tổng Cục Lâm nghiệp, thông tin quản lý liên quan đến bí mật nội bộ và Quốc gia, những thông tin này chỉ được tra cứu khi người sử dụng có mã số qui định bởi Tổng Cục LN.

**Chương 5.**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 17. Trách nhiệm thi hành**

1. Trong quá trình khai thác sử dụng hệ thống thông tin quản lý Lâm nghiệp nếu gặp sự cố, khó khăn hoặc cần sự tư vấn, hỗ trợ của đơn vị quản trị mạng thì các đơn vị sử dụng có thể liên hệ với Văn Phòng Tổng Cục Lâm nghiệp.

2. Các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc Tổng Cục LN chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng Cục Lâm nghiệp có trách nhiệm quán triệt, chỉ đạo và giám sát cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị mình thực hiện đúng nội dung Quy chế.

**Điều 18. Xử lý vi phạm**

1. Mọi hoạt động vi phạm Quy chế sẽ bị xử lý kỷ luật tùy theo tính chất, mức độ vi phạm khác nhau và theo quy định của pháp luật hiện hành; Nếu vi phạm gây thiệt hại đến tài sản, thiết bị, thông tin, dữ liệu trên mạng máy tính thì còn phải chịu trách nhiệm bồi thường và kỷ luật theo quy định của pháp luật.

**Điều 19. Tổ chức và kinh phí thực hiện**

Hàng năm Bộ NN&PTNT cung cấp kinh phí cho Tổng Cục Lâm Nghiệp để vận hành hệ thống, duy trì các hoạt động của mạng, hệ thống máy chủ dịch vụ, cổng thông tin điện tử..

Các đơn vị sử dụng Hệ thống phải tự xây dựng kế hoạch, kinh phí để duy trì hoạt động cho đơn vị mình.